

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN L  
TỈNH Y**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:54/2020/HNGĐ-ST  
Ngày 15-9-2020  
V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L- TỈNH Y**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Phan Duy Đô

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Trương Xuân Vũ;

2- Bà Nguyễn Kim Dung.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Linh, Thư ký Toà án nhân dân huyện L- tỉnh Y.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Y tham gia phiên toà: Bà Diêm Thị Thanh Tuyền- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện L- tỉnh Y, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 183/2020/HNGĐ-ST ngày 03 tháng 8 năm 2020 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2020/QĐXX-ST ngày 04 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Triệu Thị L 35 tuổi

Địa chỉ: Thôn K- xã TP- huyện L- Yên Bái, có mặt.

**Bị đơn:** Anh Đặng Quý C 36 tuổi

Địa chỉ: Thôn K- xã TP- huyện L- Yên Bái, có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Trong đơn khởi kiện ngày 03-8-2020 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Triệu Thị L trình bày: Chị và anh Đặng Quý C kết hôn năm 2007 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã TP- huyện L- tỉnh Y. Sau khi kết hôn vợ chồng sống bình thường, đến năm 2015 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh C suốt ngày đi uống rượu say về chửi bới, đuổi vợ con; nhiều lần đánh chị, có lần còn cầm dao dọa chém chị. Mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng, có hôm anh C chửi mẹ con chị từ 11 giờ đêm đến 03 giờ sáng. Gia đình đã khuyên nhủ; UBND xã cũng đã nhiều lần gọi lên giải quyết nhưng anh C không thay đổi. Vợ chồng hiện đã sống ly thân. Xác định tình cảm vợ chồng không còn chị đề nghị giải quyết cho ly hôn. Về con chung: Chị và anh C có một cháu là Đặng Tiến Ch

sinh ngày 05-5-2008. Khi ly hôn việc ở với ai sẽ do cháu tự quyết định, nếu con ở với chị, chị không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và công nợ chung chị không yêu cầu giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện L- tỉnh Y đã ra văn bản thông báo và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Đặng Quý C vẫn không có mặt nên Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục pháp luật quy định.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Y phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 điều 56; các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên xử cho chị L được ly hôn với anh C; giao cháu Đặng Tiến Ch cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng...

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa chị Triệu Thị L và anh Đặng Quý C là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L.

[2] Về tình cảm: Chị Triệu Thị L và anh Đặng Quý C kết hôn năm 2007, việc kết hôn này tuân thủ đúng những quy định của Luật Hôn nhân và gia đình do đó đây là hôn nhân hợp pháp.

Tại điều 19 luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”*. Tại phiên tòa anh Đặng Quý C có mặt và trình bày cơ bản như nội dung lời khai của chị L. Anh cũng thừa nhận vợ chồng xảy ra mâu thuẫn từ lâu, một trong những nguyên nhân là do chị L có quan hệ tình cảm với người khác; tuy nhiên xác định vẫn còn tình cảm với chị L nên anh không đồng ý ly hôn. Kết quả xác minh tại địa phương cơ bản phù hợp với lời khai của các đương sự cho thấy do nhiều nguyên nhân nên trong những năm qua vợ chồng chị L- anh C không hạnh phúc, trong đó nguyên nhân chính là do quan điểm, tính cách, lối sống không hợp nhau. Anh C thường xuyên uống rượu say từ đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau; nhiều lần anh C còn đốt nhà. Hai người hiện cũng đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa. Quá trình giải quyết vụ án chị L khẳng định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết đề nghị giải quyết cho ly hôn. Qua đó cho thấy tình cảm vợ chồng giữa chị L- anh C đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị L có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị L và anh C có một cháu là Đặng Tiến Ch sinh ngày 05-5-2008. Tại phiên tòa anh C đề nghị được nuôi cháu Ch; quan điểm của chị L là tôn trọng nguyện vọng của con. Nếu con ở với chị, chị không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con. Xét hoàn cảnh thực tế anh C thường xuyên uống rượu say nhiều khi không làm chủ được bản thân; mặt khác cháu Ch đã 12 tuổi và có đơn đề nghị được ở với mẹ. Do đó cần giao cháu Ch cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với hoàn cảnh thực tế và nguyện vọng của cháu. Do chị L không yêu cầu nên anh C không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom con chung.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị L không yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên*

## **QUYẾT ĐỊNH**

1- Về tình cảm: Căn cứ khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Triệu Thị L được ly hôn với anh Đặng Quý C.

2- Về con chung: Căn cứ các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, giao cháu Đặng Tiến Ch cho chị Triệu Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Đặng Quý C không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh C thực hiện quyền này.

3- Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chị Triệu Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị L đã nộp đủ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L- tỉnh Y theo biên lai số AA/2017/0008243 ngày 03-8-2020.

4- Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nơi nhân:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện;
- UBND xã TP;
- Các đương sự;
- Lưu HS-TA-THS.

**Phan Duy Đô**